

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**
Bản án số:155/2019/HNGĐ-ST
Ngày:18-11-2019
V/v tranh chấp về xác định cha
cho con.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Minh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Diệp;
2. Bà Nguyễn Thụy Vân Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương: Ông Phan Văn Tuấn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 105/2019/TLST-HNGĐ ngày 20/02/2019 về việc “Tranh chấp về xác định cha cho con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/8/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/QĐST-HNGĐ ngày 20/9/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thanh L, sinh năm 1972;

Thường trú: 5B/3 khu phố N, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ liên lạc: Tổ 9, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Chị Đặng Thị H, sinh năm 1983;

Thường trú: 1/21A khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương, làm đại diện theo ủy quyền, có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân O, sinh năm 1970;

Thường trú: 23/9 khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- Người làm chứng:

1/ Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1990;

Địa chỉ: tổ 9 khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2/ Anh Nguyễn M, sinh năm 1994;

Địa chỉ: 23/9 khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3/ Chị Nguyễn Thị Xuân H2, sinh năm 1974;

Địa chỉ: 5A/3 khu phố N, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

4/ Chị Phạm Thị Thu T, sinh năm 1966;

Địa chỉ: 20/18 khu phố Đ, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 18/02/2019, lời khai trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Đặng Thị H trình bày:

Chị Phạm Thanh L và anh Nguyễn Xuân O là vợ chồng, do mâu thuẫn nên vào năm 2007 chị L và anh O đã ly hôn theo bản án sơ thẩm số 20/2007/HNGĐ-ST ngày 20/8/2007 của Tòa án nhân dân thị xã D và bản án phúc thẩm số 37/2007/DS-PT ngày 20/12/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Tại thời điểm ly hôn giữa chị L, anh O có 01 người con chung tên Nguyễn Minh H3, sinh năm 1994. Sau khi ly hôn thì giữa chị L và anh O vẫn chung sống với nhau (về mặt pháp luật thì chị L, anh O không còn là vợ chồng, nhưng thực tế thì hai người vẫn còn chung sống, qua lại với nhau), đến năm 2011 thì chị L sinh cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 27/7/2011, thời gian đầu sau khi sinh cháu T1 thỉnh thoảng anh O có ghé thăm và mua sữa cho cháu T1. Tuy nhiên, thời gian gần đây (vào khoảng đầu năm 2019) anh O và gia đình anh nói với cháu T1 không phải là con của anh O, nói cha cháu T1 đã chết, những lời nói của anh O và gia đình anh làm ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý của cháu T1. Nay chị L yêu cầu Tòa án xác nhận anh Nguyễn Xuân O là cha của cháu Nguyễn Minh T1, đồng thời chị L đã yêu cầu Tòa án giám định cháu Nguyễn Minh T1 và anh Nguyễn Minh H3 có quan hệ huyết thống theo dòng cha.

Chứng cứ do chị Phạm Thanh L cung cấp: Bản sao giấy khai sinh số 690/2011, quyền số 07/2011 do ủy ban nhân dân phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 26/9/2011.

- Đối với bị đơn anh Nguyễn Xuân O: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bằng hình thức niêm yết và yêu cầu anh Nguyễn Xuân O có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của chị L nhưng anh O không có ý kiến cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Vào ngày 12/7/2019 Tòa án triệu tập anh O tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia hòa giải, nhưng anh O vắng mặt không có lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đối với anh O nhưng anh vẫn vắng mặt hai lần liên tiếp, đồng thời cũng không có ý kiến và cũng không cung cấp bất cứ tài liệu chứng cứ gì để thể hiện anh O đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của chị L. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Xuân O theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/5/2019 người làm chứng chị Nguyễn Thị H1 trình bày: Chị Nguyễn Thị H1 là người thuê ki ốt của chị Phạm Thanh L từ năm 2009, khi chị H1 đến thuê ki ốt của chị L thì chị H1 có biết chị L và anh O ly hôn với nhau từ năm 2007 (do chị L nói cho chị H1 biết), thời gian chị H1 thuê ki ốt của chị L thì

chị có thấy chị L, anh O thường xuyên qua lại gặp mặt nhau, thậm chí giữa chị L, anh O có quan hệ với nhau, chị H1 là người đưa thuốc tránh thai cho chị L uống. Cuối năm 2010 chị L mang thai (khi chị L mang thai thì chị H1 là người bán que thử thai cho chị L), đến năm 2011 chị L sinh cháu trai và đặt tên là Nguyễn Minh T1. Sau khi chị L sinh cháu T1 thì anh O không qua lại với chị L nữa mà thỉnh thoảng có mua đồ ăn gửi cho con chị L. Trong khoảng thời gian chị L, anh O qua lại với nhau, ngoài anh O thì chị H1 không thấy chị L qua lại với bất kỳ người đàn ông nào khác.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/5/2019 người làm chứng anh Nguyễn M trình bày:* Anh Nguyễn M là người thuê ki ốt của chị L từ năm 2002, anh M có biết vào năm 2007 giữa chị L và anh O ly hôn với nhau, sau khi ly hôn thì anh M có thấy chị L, anh O vẫn qua lại với nhau (vì nhà chị L phía trước, nhà anh O phía sau), sau một thời gian qua lại với anh O thì chị L có thai đến gần cuối năm 2011 chị L sinh một cháu trai đặt tên Nguyễn Minh T1, sau khi chị L sinh con thì anh O không qua lại với chị L nữa. Anh M biết giữa chị L và anh O vẫn qua lại với nhau là do mỗi lần chị L đi với anh O thì chị L gửi nhà cho anh M giữ giúp, thời gian anh O và chị L qua lại với nhau sau ly hôn rất dài ngoài 03 năm. Trong khoảng thời gian chị L, anh O qua lại với nhau, ngoài anh O thì anh M không thấy chị L qua lại với bất kỳ người đàn ông nào khác.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/5/2019 người làm chứng chị Nguyễn Thị Xuân H2 trình bày:* Chị Nguyễn Thị Xuân H2 là chị dâu của chị L, sau thời gian chị L và anh O ly hôn (chị L, anh O ly hôn vào năm 2007) do chị L bị bệnh nên chị H2 đến nhà phụ chị L buôn bán gạo (sáng chị H2 đến chiều về, khi chị L cần thì chị H2 ở lại nhà chị L qua đêm), trong thời gian này chị H2 có thấy giữa chị L, anh O thường xuyên qua lại với nhau (thường xuyên gọi điện, nhắn tin và chị L, anh O cùng đi ra ngoài, cùng nhau về). Mỗi lần chị L nghe điện thoại của anh O thì chị L đi ra ngoài, chị H2 có hỏi đi đâu thì chị L trả lời là đi qua bên anh O và chị L cũng có nói chuyện với chị H2 về việc chị L và anh O gần gũi với nhau (quan hệ với nhau). Đến cuối năm 2010 chị L mang thai, đến năm 2011 chị L sinh 01 cháu trai và đặt tên là Nguyễn Minh T1 (lấy họ của anh O đặt cho cháu). Sau khi chị L sinh cháu T1 thì anh O không qua lại với chị L nữa, nhưng thỉnh thoảng anh O có mua sữa cho cháu T1. Chị H2 biết giữa chị L và anh O vẫn qua lại với nhau là do thời gian sau ly hôn chị H2 đến nhà chị L phụ giúp chị L trong việc buôn bán, sau khi chị L sinh cháu T1 thì chị H2 là người trực tiếp chăm sóc chị L và cháu T1, nên việc qua lại giữa anh O, chị L thì chị H2 là người biết rất rõ. Trong khoảng thời gian chị L, anh O qua lại với nhau, ngoài anh O thì chị H2 không thấy chị L qua lại với bất kỳ người đàn ông nào khác.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/5/2019 người làm chứng chị Phạm Thị Thu T trình bày:* Chị Phạm Thị Thu T là chị gái của chị Phạm Thanh L. Sau khi ly hôn thì chị L còn yêu thương anh O, trong khi đó anh O cũng muốn quay lại với chị L nên giữa hai người có qua lại. Chị L có nói với chị T là muốn quay lại với anh O nên chị T nói nếu còn yêu thương thì hai đứa quay lại với nhau và đăng ký kết hôn lại, chị L cũng có đề nghị anh O kết hôn lại nhưng anh O không chịu. Trong thời gian này giữa chị L và anh O có qua lại, quan hệ với nhau đến năm cuối năm 2010 thì chị L có thai, đến ngày 27/7/2011 chị L sinh một người con trai tên là Nguyễn Minh T1 lấy họ của anh O đặt cho cháu. Thời gian đầu khi chị L mới sinh con thì anh O không quan tâm, nhưng về sau thì anh O thỉnh thoảng có mua sữa cho cháu T1. Tuy nhiên, khoảng 03 năm nay anh O không còn mua sữa cho cháu T1. Từ khi chị L sinh con đến nay chưa bao giờ anh O thừa nhận cháu T1 là con của anh O. Việc chị T biết giữa chị L và anh

O có qua lại với nhau sau khi ly hôn vì sau khi ly hôn thì chị L hay có những suy nghĩ tiêu cực nên chị T phải ở cùng chị L để động viên và chăm sóc mẹ con chị L, nên việc qua lại của chị L và anh O sau ly hôn chị T là người biết rất rõ. Trong khoảng thời gian chị L, anh O qua lại với nhau, ngoài anh O thì chị T không thấy chị L qua lại với bất kỳ người đàn ông nào khác. Chị L lấy danh dự bản thân để khẳng định cháu Nguyễn Minh T1 là con của anh O với chị L.

Tại bản kết luận giám định số 4639/C09B ngày 22/10/2019 Viện khoa học hình sự - Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

Cháu Nguyễn Minh T1 và Nguyễn Minh H3 có kiểu gen (ADN) trên nhiễm sắc thể Y (hệ Y-Filer Plus) giống nhau, Nguyễn Minh T1 và Nguyễn Minh H3 có quan hệ huyết thống theo dòng cha.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:
Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ kết luận giám định số 4639/C09B ngày 22/10/2019 Viện khoa học hình sự - Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Cháu Nguyễn Minh T1 và Nguyễn Minh H3 có kiểu gen (ADN) trên nhiễm sắc thể Y (hệ Y-Filer Plus) giống nhau, Nguyễn Minh T1 và Nguyễn Minh H3 có quan hệ huyết thống theo dòng cha. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Phạm Thanh L thì đây là vụ án tranh chấp về xác định cha cho con quy định tại khoản 4 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Nguyễn Xuân O có địa chỉ tại phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã D theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Đặng Thị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt vào ngày 15/11/2019. Bị đơn anh Nguyễn Xuân O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 29/8/2019, ngày 20/9/2019 và ngày 18/11/2019 nhưng anh O vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Chị Phạm Thanh L và anh Nguyễn Xuân O là vợ chồng, do mâu thuẫn nên vào năm 2007 chị L và anh O đã ly hôn theo bản án sơ thẩm số 20/2007/HNGĐ-ST ngày 20/8/2007 của Tòa án nhân dân thị xã D và bản án phúc thẩm số 37/2007/DS-PT ngày 20/12/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Tại thời điểm ly hôn giữa chị L, anh O có 01 người con chung tên Nguyễn Minh H3, sinh năm 1994. Sau khi ly hôn giữa chị L và anh O vẫn chung sống, qua lại với nhau, đến năm 2011 chị L sinh cháu

Nguyễn Minh T1, sinh ngày 27/7/2011, theo giấy khai sinh Số: 690/2011, Quyền số: 07/2011 do Ủy ban nhân dân phường D, thị xã D cấp ngày 26/9/2011. Anh O không thừa nhận cháu T1 là con của mình, anh O và gia đình anh đã có những lời nói làm tổn thương cháu T1. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án triệu tập anh O tham gia tố tụng, tuy nhiên anh O không đến Tòa án làm việc, anh O không có ý kiến cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Chị L yêu cầu Tòa án tiến hành trưng cầu giám định cháu Nguyễn Minh T1 và anh Nguyễn Minh H3 (Nguyễn Minh H3 là con chung của chị L và anh O) để xác định quan hệ huyết thống theo dòng cha

[4] Đối với yêu cầu giám định gen (ADN) của chị Phạm Thanh L: Căn cứ theo giấy khai sinh Số: 690/2011, Quyền số: 07/2011 do Ủy ban nhân dân phường D, thị xã D cấp ngày 26/9/2011 cho cháu Nguyễn Minh T1 có thông tin họ và tên cha là Nguyễn Xuân O và theo bản án số 37/2007/DS-PT ngày 20/12/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, anh O, chị L đều thừa nhận tại thời điểm ly hôn giữa chị L và anh O có 01 con chung tên Nguyễn Minh H3, sinh năm 1994, có cơ sở xác định cháu Nguyễn Minh T1 và cháu Nguyễn Minh H3 là anh em đều do chị L sinh ra. Trên cơ sở yêu cầu giám định của chị L Tòa án Quyết định Trưng cầu Viện khoa học hình sự - Bộ công an giám định ADN của cháu Nguyễn Minh T1 với cháu Nguyễn Minh H3 để xác định huyết thống theo dòng cha.

[5] Theo bản kết luận giám định số 4639/C09B ngày 22/10/2019 Viện khoa học hình sự - Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: *“Nguyễn Minh T1 và Nguyễn Minh H3 có kiểu gen (ADN) trên nhiễm sắc thể Y (hệ Y-Filer Plus) giống nhau, Nguyễn Minh T1 và Nguyễn Minh H3 có quan hệ huyết thống theo dòng cha”*. Do đó, căn cứ vào các lời khai, các tài liệu, chứng cứ do chị L cung cấp, lời khai của những người làm chứng về quá trình chung sống, qua lại giữa chị L và anh O sau khi ly hôn và bản kết luận giám định số 4639/C09B ngày 22/10/2019 Viện khoa học hình sự - Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, có đủ cơ sở xác định cháu trai con của chị Phạm Thanh L (cháu Nguyễn Minh T1) là con trai của anh Nguyễn Xuân O.

[6] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp yêu cầu khởi kiện về tranh chấp xác định cha cho con của chị Phạm Thanh L và anh Nguyễn Xuân O.

[7] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D là phù hợp như những phân tích nêu trên.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Xuân O chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Chi phí trưng cầu giám định gen (ADN): Chị Phạm Thanh L tự nguyện chịu toàn bộ chi phí trưng cầu giám định gen (ADN).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238 Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 88, Điều 101 và Điều 102 Luật Hôn nhân và Gia

đình năm 2014 Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thanh L đối với anh Nguyễn Xuân O về việc tranh chấp về xác định cha cho con.

Tuyên bố anh Nguyễn Xuân O, sinh năm 1970 là cha của cháu trai Nguyễn Minh T1, sinh ngày 27/7/2011.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Xuân O phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Hoàn trả lại cho chị Phạm Thị L 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0028079 ngày 20/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Bình Dương.

3. Chi phí trưng cầu giám định gen (ADN): Chị Phạm Thanh L tự nguyện chịu toàn bộ chi phí trưng cầu giám định gen (ADN) 8.100.000 đồng (tám triệu một trăm nghìn đồng) được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng đã nộp.

4. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt các đương sự.

5. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã D;
- CCTHA DS thị xã D;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Minh Châu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

